

FLUORESCENT TRACKING GEL



Phiếu An toàn Hóa chất

Theo như Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS) của Liên Hiệp Quốc (Rev. 4, 2011)

Ngày phát hành: 22/11/2017 Ngày sửa đổi: : Phiên bản: 1.0

MỤC 1: Thông tin về chất/hỗn hợp chất và về công ty/doanh nghiệp

1.1. Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm : FLUORESCENT TRACKING GEL
Nhãn hàng : RENTOKIL
Mã sản phẩm : PSF187
Số đăng ký
Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp

1.2. Ứng dụng thích hợp của chất hay hỗn hợp chất và các ứng dụng không được khuyến cáo

1.2.1. Ứng dụng thích hợp

Spec. ứng dụng công nghiệp/chuyên dụng : Công nghiệp
Dành cho việc sử dụng chuyên nghiệp
Ứng dụng của chất/hỗn hợp chất : Một loại gel huỳnh quang sẵn sàng sử dụng không chứa thuốc diệt động vật gặm nhấm giúp phát hiện chuột cống và chuột nhắt

1.2.2. Ứng dụng không khuyến cáo

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Thông tin về nhà cung cấp

Nhà cung cấp

Rentokil Initial Supplies
Liverpool
L33 7SR
UK

Product advice line: +44 (0)151 548 5050
Email: sds@rentokil.com

National Contact

Rentokil Initial Vietnam,
268 Tô Hiến Thành, 10 Ward, District 10,
Ho Chi Minh City,
T:+84(4) 3736 8388/89, +84(4) 3736 8386.
Fax: 08 39 206 206.

1.4. Số khẩn cấp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 2: Nhận dạng nguy hiểm

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Sự phân loại theo như Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS) của Liên Hiệp Quốc (Rev. 4, 2011)

Không phân loại

Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường

Hiện chưa có thông tin bổ sung

2.2. Nội dung nhãn

Việc dán nhãn theo như Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS) của Liên Hiệp Quốc (Rev. 4, 2011)

Không ghi nhãn

2.3. Các mối nguy hiểm khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Biện pháp sơ cứu

Sơ cứu tổng quát : Trong trường hợp choáng váng, tham khảo ngay ý kiến bác sĩ (cho bác sĩ xem nhãn hàng nếu có thể).
Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Không áp dụng được.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : Tháo bỏ quần áo bị dính sản phẩm và vệ sinh các phần da bị ảnh hưởng với xà phòng và nước, sau đó rửa lại bằng nước nóng.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : Rửa ngay với nhiều nước. Nếu cơn đau và mắt đỏ vẫn kéo dài, cần đến gặp bác sĩ.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Súc miệng. KHÔNG cố làm nôn. Đến gặp bác sĩ một cách khẩn cấp.

FLUORESCENT TRACKING GEL

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo như Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS) của Liên Hiệp Quốc (Rev. 4, 2011)

4.2. Các triệu chứng và tác dụng chính, cấp tính và trì hoãn

Triệu chứng/tác dụng : Không được xem như nguy hiểm trong điều kiện sử dụng thường.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Phương tiện cứu hỏa

Chất chữa cháy thích hợp : Bột. Bột khô. Cacbon đioxit. Nước phun. Cát.

Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : Không sử dụng dòng nước mạnh.

5.2. Nguy hiểm đặc biệt từ chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

5.3. Khuyến cáo cho nhân viên cứu hỏa

Hướng dẫn cứu hỏa : Làm nguội thùng chứa bị ảnh hưởng bằng nước phun hay màng nước. Cần trọng trong quá trình dập hỏa hoạn hóa học. Tránh không cho nước sử dụng vào việc dập lửa làm nhiễm độc môi trường.

Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Không đi vào khu vực có lửa mà không trang bị bảo hộ, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp.

MỤC 6: Biện pháp xử lý trong trường hợp đổ tràn

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu : Cho những nhân viên không cần thiết ra ngoài.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Cung cấp thiết bị bảo hộ thích hợp cho nhân viên làm vệ sinh.

Biện pháp cấp cứu : Thông gió cả khu vực.

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Không cho xâm nhập vào cống rãnh và nước sinh hoạt. Thông báo cho cấp chính quyền nếu dung dịch xâm nhập vào hệ thống cống thoát hay nguồn nước công cộng.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Quy trình làm sạch : Quét hoặc xúc sản phẩm trên nền đất và cho vào bao bì chứa thích hợp. Giảm thiểu tối đa việc gây bụi. Kho trữ tránh xa các vật liệu khác.

6.4. Tham khảo tại các mục khác

Xem Mục 8. Kiểm soát độ phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Rửa tay và khu vực bị phơi nhiễm với xà phòng nhẹ và nước, trước khi ăn, uống, hút thuốc và trước khi rời khỏi nơi làm việc. Đảm bảo việc thông hút tốt tại nơi làm việc nhằm tránh việc tạo hơi.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Giữ bao bì chứa đóng khi không sử dụng. Tránh cho tiếp xúc với thức ăn và thức uống.

Sản phẩm không tương hợp : Bazơ mạnh. Axit mạnh.

Chất không tương hợp : Nguồn gây cháy. Tia mặt trời trực tiếp.

7.3. Ứng dụng đặc biệt cuối cùng

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 8: Kiểm soát tính nổ/bảo hộ cá nhân

8.1. Thông số kiểm tra

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát tính nổ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân : Tránh mọi việc phơi nhiễm không cần thiết.

Bảo vệ tay : Đeo guantes de protección.

Bảo vệ da và cơ thể : Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp.

Các thông tin khác : Không ăn, uống và không hút thuốc khi thao tác.

FLUORESCENT TRACKING GEL

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo như Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS) của Liên Hiệp Quốc (Rev. 4, 2011)

MỤC 9: Tính chất vật lý và hóa học

9.1. Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học chủ đạo

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Màu	: Màu vàng / Màu xanh lá cây.
Mùi	: Không mùi.
Ngưỡng mùi	: Không có thông tin
pH	: 7
Tỷ lệ bốc hơi tương đối (butyl axetat=1)	: Không có thông tin
Điểm nóng chảy	: Không có thông tin
Điểm đông đặc	: Không có thông tin
Điểm sôi	: Không có thông tin
Điểm bùng cháy	: Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	: Không có thông tin
Tính bất lửa (rắn, khí)	: Không có thông tin
Áp suất hơi	: Không có thông tin
Mật độ hơi nước tương đối ở 20 °C	: Không có thông tin
Mật độ tương đối	: 1,124
Độ hòa tan	: Không có thông tin
Log Pow	: Không có thông tin
Log Kow	: Không có thông tin
Độ nhớt, động học	: Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	: Không có thông tin
Đặc tính nổ	: Không có thông tin
Tính chất gây cháy	: Không có thông tin
Giới hạn nổ	: Không có thông tin

9.2. Các thông tin khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 10: Tính ổn định và khả năng phản ứng

10.1. Phản ứng

Hiện chưa có thông tin bổ sung

10.2. Tính ổn định hóa học

Không thực hiện.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không thực hiện.

10.4. Điều kiện cần tránh

Tia mặt trời trực tiếp. Nhiệt độ rất cao hoặc rất thấp.

10.5. Chất không tương hợp

Axit mạnh. Bazơ mạnh.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Khói. Cacbon monoxit. Cacbon đioxit.

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại pH: 7
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại pH: 7
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da	: Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại
Mức độ độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại

FLUORESCENT TRACKING GEL

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo như Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS) của Liên Hiệp Quốc (Rev. 4, 2011)

Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần) : Không phân loại

Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại) : Không phân loại

Nguy cơ khi hít phải : Không phân loại

Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra : Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng.

MỤC 12: Thông tin sinh thái học

12.1. Độ độc tính

Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.2. Độ bền và độ phân hủy

FLUORESCENT TRACKING GEL	
Độ bền và độ phân hủy	Không thực hiện.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

FLUORESCENT TRACKING GEL	
Khả năng tích lũy sinh học	Không thực hiện.

12.4. Tính lưu động dưới đất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.6. Các tác dụng có hại khác

Thông tin bổ sung : Tránh thải ra môi trường.

MỤC 13: Được xem như dành cho xử lý phân hủy

13.1. Phương pháp xử lý chất thải

Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì : Tiêu hủy theo đúng quy định an toàn tại địa phương/quốc gia đang hiện hành.

Sinh thái - chất thải : Tránh thải ra môi trường.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Đúng theo tiêu chuẩn ADR / IMDG / IATA / ADN / RID

14.1. Số UN

Sản phẩm không gây nguy hiểm trong việc vận chuyển theo quy định hiện hành.

14.2. Tên mã UN

Không áp dụng được

14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển

Không áp dụng được

14.4. Phân nhóm đóng gói

Không áp dụng được

14.5. Nguy cơ môi trường

Nguy hiểm cho môi trường : Không

Ô nhiễm biển : Không

Các thông tin khác : Không có thông tin bổ sung.

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

14.6.1. Vận chuyển bằng đường bộ

Hiện chưa có thông tin bổ sung

14.6.2. Vận chuyển đường biển

Hiện chưa có thông tin bổ sung

14.6.3. Vận chuyển đường hàng không

Hiện chưa có thông tin bổ sung

14.6.4. Vận chuyển bằng đường thủy

Vận chuyển cấm (ADN) : Không

14.7. Vận chuyển hàng rời theo phụ lục II MARPOL 73/78 và bộ luật IBC

Không áp dụng được

FLUORESCENT TRACKING GEL

Phiếu An toàn Hóa chất

Theo như Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu (GHS) của Liên Hiệp Quốc (Rev. 4, 2011)

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

15.1.1. Quy định EU

Không có chứa chất nằm trong mục hạn chế của phụ lục XVII của REACH

Không có chứa bất kể chất nào trong danh sách ứng viên REACH

Không có chứa bất kì chất nào được liệt kê trong Mục XIV của REACH

15.1.2. Quy định quốc gia

Hiện chưa có thông tin bổ sung

15.2. Số chỉ thị an toàn hóa học

Chưa được đánh giá an toàn hóa học

MỤC 16: Các thông tin khác

Nguồn dữ liệu : QUY ĐỊNH (EC) SỐ 1272/2008 CỦA HỘI ĐỒNG CÁC BỘ TRƯỞNG VÀ NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU ngày 16 tháng 12 năm 2008, liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và đóng gói các chất và hỗn hợp, chỉnh sửa và bãi bỏ chỉ thị 67/548/EEC và 1999/45/EC và chỉnh sửa Quy định (EC) Số 1907/2006.

Các thông tin khác : Không có.

SDS GHS UN

Before using any product, ensure that you read and understand its label.

The information contained in this safety data sheet is, to the best of our knowledge and belief, accurate and reliable at the time of publication. The information relates only to the specific material designated in this safety data sheet and may not be valid for such material if it is used in combination with any other material(s) or any other use than that specified herein. Neither Rentokil Initial plc nor any of its subsidiaries accepts any liability for the use of this product for any other purpose than that described in this safety data sheet. This does not affect your statutory rights. It is the user's responsibility to satisfy him/herself as to the suitability in completeness of such information for his/her own particular use.

Copyright © (2017) Rentokil Initial plc, Rentokil Initial Power Centre, Unit A1 & A2 Link 10, Napier Way, Crawley, RH10 9RA. United Kingdom.

Telephone: +44 (0) 1342 833022 Fax: +44 (0) 1403 214101